

DANH SÁCH 681 HỘ GIA ĐÌNH THUỘC TỔ 01
ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA” NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025 của Chủ tịch UBND phường)

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
1.	Phạm Quốc Doang	
2.	Phạm Lê Huân	
3.	Lê Thị Hảo	
4.	Nguyễn Văn Hải	
5.	Nguyễn Văn Hậu	
6.	Lê Văn Nghiêm	
7.	Hồ Bửu	
8.	Phan Thị Cẩm	
9.	Nguyễn Ngọc Tạ	
10.	Phạm văn Tịnh	
11.	Huỳnh Thị Mai	
12.	Phạm Huấn	
13.	Nguyễn Văn Dũng	
14.	Võ Thiệu	
15.	Nguyễn Thị Túy	
16.	Võ Thị Là	
17.	Lê Thị Đường	
18.	Lê Hội	
19.	Phạm Tấn Dân	
20.	Phan Long Phương	
21.	Lê Trung Hiền	
22.	Trần Văn Dương	
23.	Trần Tư	
24.	Trần Quang Trọng	
25.	Trần Quang Ân	
26.	Phạm Lê Khôi	
27.	Phạm Phép	
28.	Lê Anh Tuấn	
29.	Phùng Thanh Việt	
30.	Lê Xuân Tùng	
31.	Lê Ngọc Dục	
32.	Nguyễn Vang	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
33.	Hà Văn Tâm	
34.	Phạm Văn Ban	
35.	Nguyễn Lộc Thanh	
36.	Lê Thị Mẫn	
37.	Phạm Thị Kim	
38.	Phạm Văn Hanh	
39.	Lê Minh Hoài	
40.	Lê Văn Lý	
41.	Thái Xuân Kỳ	
42.	Hồ Văn Chức	
43.	Lê Xuân Nhật	
44.	Lê Quốc Hiếu	
45.	Lê Thông	
46.	Lê Đức Hùng	
47.	Phan Nguyễn Phi Đạo	
48.	Hồ Sơn	
49.	Hồ Đó	
50.	Hồ Ngọc Sĩ	
51.	Nguyễn Văn Hà	
52.	Võ Xuân Lạc	
53.	Lê Thị Phú	
54.	Hồ Em	
55.	Hồ Cư	
56.	Lê Văn Nga	
57.	Lê Thị Bích Hậu (Hải)	
58.	Hồ Ngọc Văn Chí	
59.	Hồ Ngọc Anh	
60.	Hồ Ngọc Ánh	
61.	Bùi Kinh	
62.	Phan Thị Phượng	
63.	Hồ Ngọc Thùy	
64.	Hồ Ngọc Phương	
65.	Nguyễn Hữu Duy	
66.	Lê Văn Tuấn	
67.	Hồ Ngọc Thịnh	
68.	Hồ Ngọc Vương	
69.	Nguyễn Văn Tiến	
70.	Hồ Ngọc Ân	
71.	Trương Mạnh Tuấn	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
72.	Lê Út	
73.	Lê Thị Vị	
74.	Hồ Ngọc Sỹ	
75.	Ngô Minh Vương	
76.	Hồ Thị Nở	
77.	Lê Văn Út	
78.	Võ Văn Tài	
79.	Hồ Ngọc Trung	
80.	Hồ Thị Bích Vân	
81.	Hồ Thị Lệ Trinh	
82.	Võ Phụng	
83.	Lê Quang Thiện	
84.	Lê Văn Hà	
85.	Nguyễn Cư	
86.	Phạm May	
87.	Phạm Thị Luân	
88.	Lê Tấn Đạt	
89.	Lê Nghị	
90.	Nguyễn Văn An	
91.	Lê Trung Hiếu	
92.	Võ Hoang	
93.	Nguyễn Văn Lên	
94.	Nguyễn Thị Chín (Đúng)	
95.	Ngô Quang Hải	
96.	Phạm Thị Mỹ Trang	
97.	Nguyễn Thị Tới	
98.	Phạm Thị Mỹ Hoa	
99.	Hồ Ngọc Huy	
100.	Nguyễn Xuân Thiên	
101.	Chu Ngọc Quốc	
102.	Nguyễn Thanh Hoài	
103.	Nguyễn Hữu Thành	
104.	Lê Quốc Chính	
105.	Phạm Văn Cẩm	
106.	Lê Văn Lực	
107.	Nguyễn Hanh	
108.	Lê Quang Vinh	
109.	Tạ Thiên Hậu	
110.	Võ Thành Chi	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
111.	Nguyễn Quốc Hưng	
112.	Nguyễn Hữu Toàn	
113.	Nguyễn Tấn Lượng	
114.	Trần Văn Hợp	
115.	Trần Thị Hoa	
116.	Phạm Lưới	
117.	Nguyễn Hoàng Như Vân	
118.	Nguyễn Nhật Nam	
119.	Võ Thanh	
120.	Võ Nhàn	
121.	Hà Văn Quốc	
122.	Võ Tấn Mai	
123.	Hồ Văn Quỳnh	
124.	Huỳnh Thị Hoa	
125.	Huỳnh Thị Liên	
126.	Trần Thị Hợi	
127.	Nguyễn Văn Hà	
128.	Nguyễn Ngọc Thương	
129.	Hồ Ngọc Cường	
130.	Lê Văn Cường	
131.	Hồ Thị Tường Vy	
132.	Hồ Thị Gái Ân	
133.	Trần Đức Chí Cương	
134.	Lê Văn Tấn	
135.	Võ Thị Kim Lựu	
136.	Lê Văn Thạnh	
137.	Lê Thị Kim Phúc	
138.	Phạm Thị Mỹ Trinh	
139.	Phạm Thị Yến	
140.	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	
141.	Hồ Ngọc Ngạn	
142.	Hồ Ngọc Khánh	
143.	Hồ Thị Bích Vân	
144.	Hồ Ngọc Đức	
145.	Hồ Thanh Thủy	
146.	Lê Thị Thôi	
147.	Lê Thị Vi	
148.	Phạm Văn Hùng	
149.	Hồ Thị Cẩm Đào	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
150.	Lê Thị Thùy	
151.	Hồ Thị Thu Nhân	
152.	Trần Quang Trương	
153.	Lê Văn Thạnh	
154.	Dương Sửu	
155.	Dương Văn Tạo	
156.	Dương Thời	
157.	Trịnh Thị Tuấn	
158.	Hồ Thị Mỹ	
159.	Lê Văn Diệu	
160.	Hồ Thị Thanh Nhân	
161.	Lê Dương	
162.	Lê Thị Thiệt	
163.	Lê Bé	
164.	Lê Thị Lế	
165.	Lê Văn Cần	
166.	Trần Văn Giáo	
167.	Dương Thị Tuyết	
168.	Hồ Thái Thanh Thuần	
169.	Hồ Văn Khánh	
170.	Hồ Thái Thanh Long	
171.	Lê Thu	
172.	Nguyễn Thị Cam Ly	
173.	Hồ Thị Hồng Vân	
174.	Hồ Văn Ban	
175.	Dương Trung	
176.	Hồ Thật	
177.	Võ Tấn Đệ	
178.	Võ Huỳnh	
179.	Võ Tấn Đoàn	
180.	Trần Văn Mẫu	
181.	Hồ Văn Thêm	
182.	Trần Lượm	
183.	Nguyễn Văn Hà	
184.	Lê Thị Hà	
185.	Nguyễn Ngọc Tuấn	
186.	Nguyễn Hữu Duy	
187.	Phạm Huyền	
188.	Lê Văn Chung	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
189.	Võ Mỹ	
190.	Lê Thị Thân	
191.	Lê Thị Thu Hằng	
192.	Trần Minh Hải	
193.	Nguyễn Ngọc Hoàng	
194.	Lê Văn Hoàn	
195.	Huỳnh Đề	
196.	Lê Văn Giáo	
197.	Lê Công Luyện	
198.	Lê Văn Lộc	
199.	Nguyễn Em	
200.	Lê Thanh Nghiêm	
201.	Võ Tiến Hưng	
202.	Nguyễn Văn Út	
203.	Đinh Nghĩa	
204.	Lê Thị Diễm	
205.	Trần Văn Sĩ	
206.	Hồ Sáu	
207.	Ngô Thị Kim Âu	
208.	Nguyễn Văn Đông	
209.	Phan Minh Tuấn	
210.	Hà Thương	
211.	Lê Văn Anh	
212.	Lê Văn Thạch	
213.	Trần Thị Luyến	
214.	Võ Thành Anh	
215.	Phạm Tấn	
216.	Lê Văn Hòe	
217.	Phạm Tấn Nho	
218.	Tạ Thị Thu Nguyệt	
219.	Phạm Văn Nhỏ	
220.	Trương Mạnh Tuấn	
221.	Trần Thị Thúy	
222.	Phạm Hữu Thọ	
223.	Bùi Thị Bích	
224.	Nguyễn Trọng Tấn	
225.	Phạm Huỳnh	
226.	Lê Nguyễn Hoàng Huân	
227.	Hồ Gia Trọng	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
228.	Huỳnh Văn Phước	
229.	Nguyễn Thị Hương	
230.	Phạm Ty	
231.	Huỳnh thị Liên	
232.	Võ Thành Trung	
233.	Trịnh Tấn	
234.	Tạ Thị Bích Hoa	
235.	Huỳnh Máy	
236.	Dương Xuân Chắt	
237.	Nguyễn Thị Muộn	
238.	Dương Tấn Trúc	
239.	Huỳnh Phụng	
240.	Hồ Thị Hồng Mến	
241.	Tạ Công Tấn	
242.	Huỳnh Thanh Lộng	
243.	Lê Thị Hoa	
244.	Nguyễn Sang	
245.	Hồ Cao Được	
246.	Lê Thị Kim Liên	
247.	Lê Trung Việt	
248.	Lê Ni Ê	
249.	Võ Văn Nam	
250.	Lê Thị Hạng	
251.	Trần Hữu	
252.	Trần Minh Hiếu	
253.	Lê Thanh Phong	
254.	Nguyễn Ngọc Văn	
255.	Võ Tấn Dũng	
256.	Võ Thành Trí	
257.	Võ Thành Thức	
258.	Phạm Út	
259.	Lê Minh	
260.	Lê Duy Tân	
261.	Nguyễn Thị Hà	
262.	Trần Văn Minh	
263.	Trần Thị Thúy	
264.	Lê Công Bằng	
265.	Dương Ngọc Hai	
266.	Dương Dũng	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
267.	Huỳnh Văn Vinh	
268.	Huỳnh Đỗ Liên	
269.	Nguyễn Thị Diễm	
270.	Lê Thị Thanh	
271.	Nguyễn Văn Triều Phong	
272.	Trần Thanh Thân	
273.	Hồ Thị Hoa	
274.	Nguyễn Hữu Trung	
275.	Hoàng Đức Tùng Anh	
276.	Hồ Thị Hoa	
277.	Trương Quang Linh	
278.	Ngô Minh Vương	
279.	Võ Văn Tài	
280.	Huỳnh Văn Chí	
281.	Dương Văn Hoàng	
282.	Võ Thị Chiêm	
283.	Phạm Minh Tuấn	
284.	Võ Thành Tân	
285.	Nguyễn Tiến Nghĩa	
286.	Lê Thị Thủy	
287.	Huỳnh Văn Chức	
288.	Nguyễn Minh Việt	
289.	Huỳnh Thị Thanh Lan	
290.	Lê Duy Tiến	
291.	Lê Thị Thúy Vân	
292.	Hồ Thanh Tuấn	
293.	Nguyễn Văn Lộc	
294.	Lê Nguyễn Hoàng Hải	
295.	Trần Minh Hải	
296.	Đinh Văn Thể	
297.	Nguyễn Xuân Sơn	
298.	Lê Thị Thúy	
299.	Lê Ru	
300.	Lê Văn Tính	
301.	Huỳnh Ngọc Phùng	
302.	Nguyễn Viết Tùng	
303.	Hồ Hoàng	
304.	Huỳnh Thị Mót	
305.	Lê Thị Hiệp	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
306.	Lê Khiết Bằng	
307.	Lê Tấn Hùng	
308.	Hồ Thị Thân	
309.	Trương Thế Sơn	
310.	Phạm Thiên	
311.	Phạm Đình Phương	
312.	Bùi Dung	
313.	Lê Một Tin	
314.	Võ Ngọc Y	
315.	Lương Bảo Hòa	
316.	Nguyễn Lê Trâm Anh	
317.	Phạm Thị Thu Nga	
318.	Bùi Thị Thu Thủy	
319.	Lê Văn Lại	
320.	Lê thị Mỹ Phương	
321.	Lê Văn Lập	
322.	Lâm Thị Cẩm	
323.	Lê Bá Phụng	
324.	Võ Đình Dũng	
325.	Trương Văn Thật	
326.	Lương Ngọc Lâm	
327.	Lê Đoàn Phương	
328.	Hồ Ngọc Phấn	
329.	Hồ Văn Quân	
330.	Dương Ngọc Bảo Trâm	
331.	Huỳnh Thị Hạnh	
332.	Huỳnh Văn Vinh	
333.	Nguyễn Ngọc Lâm	
334.	Hồ Ngọc Phương	
335.	Tiêu Minh Tuấn	
336.	Nguyễn Tấn Viện	
337.	Nguyễn Văn Minh	
338.	Nguyễn Văn Chính	
339.	Hồ Văn Sĩ	
340.	Hồ Văn Đồng	
341.	Lê Văn Tấn	
342.	Nguyễn Ngọc Danh	
343.	Nguyễn Tiến Đương	
344.	Lê Càn	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
345.	Huỳnh Đỗ Liên	
346.	Hồ Văn Tuyên	
347.	Bùi Đề	
348.	Lê Văn Liên	
349.	Lê Văn Đi	
350.	Tạ Thanh Bình	
351.	Võ Đình Dũng	
352.	Võ Đình Tiến	
353.	Nguyễn Thành Long	
354.	Võ Xuân Dũng	
355.	Trần Thanh Hải	
356.	Phạm Hiền	
357.	Võ Lê	
358.	Võ Thắng	
359.	Lê Quang Vũ	
360.	Phạm Quang Thiệu	
361.	Trần Xuân Ánh	
362.	Lê Nguyễn Nguyên Nguyên	
363.	Lê Thị Hạnh	
364.	Lê Chánh Tín	
365.	Lâm Ngọc Trung	
366.	Phạm Văn Trung	
367.	Trịnh Ngọc Tấn	
368.	Võ Tấn Tài	
369.	Phạm Thị Hương	
370.	Lê Thị Nhung	
371.	Trương Bảo Sơn	
372.	Huỳnh Thị Nền	
373.	Phạm Hùng	
374.	Đinh Thị Hiệp	
375.	Lê Rân	
376.	Lê Văn Quới	
377.	Lê Thị Trâm Anh	
378.	Phan Hiền	
379.	Nguyễn Thị Hồng	
380.	Nguyễn Thúc Xã	
381.	Trương Văn Nguyên	
382.	Phạm Lệ	
383.	Trần Thị Nhật Thúy	
384.	Bùi Siêng	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
385.	Bùi Nghi	
386.	Huỳnh Thắng	
387.	Đặng Quốc Việt	
388.	Trần Thị Tài	
389.	Trần Như Châu	
390.	Trần Như Phước	
391.	Trần Văn Đồng	
392.	Lê Tấn Hồ	
393.	Lê Thị Kim Loan	
394.	Lê Bá Khiết	
395.	Lê Bá Hoàng	
396.	Phạm Thanh Sĩ	
397.	Võ Thị Hiếu	
398.	Võ Nhị	
399.	Phạm Thị Huệ	
400.	Phạm Thành Thân	
401.	Phạm Hợp	
402.	Võ Thị Lưu	
403.	Võ Thành Phước	
404.	Võ Thành Trung	
405.	Hồ Ngọc Liệu	
406.	Nguyễn Như Ý	
407.	Võ Thành Công	
408.	Lê Minh Tú	
409.	Lê Cẩn	
410.	Nguyễn Thị Thu Trang	
411.	Trương Mạnh Tường	
412.	Trương Mạnh Tính	
413.	Lê Hoàng Vũ	
414.	Hồ Đắc Ân	
415.	Hồ Phê	
416.	Phạm Hữu Thiện	
417.	Hồ Thị Diễm	
418.	Phạm Văn Huy	
419.	Dương Kim Khuê	
420.	Nguyễn Ngọc Hiền	
421.	Hà Thị Ngôi	
422.	Nguyễn Công Hậu	
423.	Nguyễn Ngọc Khoa	
424.	Trương Đình Cả	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
425.	Trương Đình Thương	
426.	Võ Yên	
427.	Phạm Văn Thôi	
428.	Lê Tuấn Nở	
429.	Trần Hùng	
430.	Đặng Văn Thảo	
431.	Lê Ngôn	
432.	Phan Thị Ngan	
433.	Nguyễn Hữu Vũ	
434.	Hồ Văn Lực	
435.	Dương Hoa	
436.	Phạm Minh Tú	
437.	Nguyễn Tiến Dũng	
438.	Trần Văn Tùng	
439.	Nguyễn Đức Duẩn	
440.	Nguyễn Văn Đông	
441.	Huỳnh Minh Nhựt	
442.	Phạm Thành Trung	
443.	Võ Thị Thương	
444.	Nguyễn Thái Nhựt	
445.	Tiêu Minh Tiến	
446.	Huỳnh Anh Quang	
447.	Nguyễn Hữu Vũ	
448.	Lê Văn Cư	
449.	Nguyễn Chánh Tín	
450.	Phạm Thanh Phong	
451.	Phạm Văn Trung	
452.	Nguyễn Thị Hoa	
453.	Phạm Văn Dũng	
454.	Trần Xuân Thành	
455.	Phạm Minh	
456.	Lê Thị Bích Ngọc	
457.	Nguyễn Thị Hương Trâm	
458.	Phạm Văn Chương	
459.	Phạm Việt Anh	
460.	Từ Trung Hiếu	
461.	Võ Đình Trí	
462.	Phan Trọng Khiêm	
463.	Trương Thị Hoa	
464.	Lê Thị Thảo	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
465.	Nguyễn Hữu Vũ	
466.	Đỗ Dương Ngọc	
467.	Phan Thị Huệ	
468.	Huỳnh Tấn Hùng	
469.	Nguyễn Hoàng Như Vân	
470.	Nguyễn Tường Lâm	
471.	Nguyễn Ngọc Kim	
472.	Trần Quang Văn	
473.	Lê Văn Đức	
474.	Ngô Duy Vinh	
475.	Đỗ Tất Đông	
476.	Nguyễn Nhật Duy	
477.	Lê Hoàng Chương	
478.	Nguyễn Nữ Giang Thu	
479.	Nguyễn Thị Diễm Trinh	
480.	Tạ Minh Thiên	
481.	Phạm Văn Chương	
482.	Phạm Hữu Thông	
483.	Phạm Thị Như Ngọc	
484.	Nguyễn Đình Đức	
485.	Bùi Đình Thọ	
486.	Nguyễn Văn Thành	
487.	Trương Văn Trung	
488.	Nguyễn Anh Tú	
489.	Nguyễn Văn Hưng	
490.	Đỗ Thị Minh Hải	
491.	Huỳnh Thanh Hoàng	
492.	Trịnh Quang Tùng	
493.	Nguyễn Đình Buôn	
494.	Trần Trọng Hảo	
495.	Nguyễn Thị Mận	
496.	Dương Tấn Lực	
497.	Cao Tiến Thuận	
498.	Mai Văn Dương	
499.	Huỳnh Tấn Vũ	
500.	Bùi Nguyên Hải	
501.	Huỳnh Thanh Tuyền	
502.	Nguyễn Thị Thủy	
503.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	
504.	Phạm Hữu Tôn	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
505.	Nguyễn Quang Lâm	
506.	Nguyễn Mậu Tú	
507.	Trần Thị Minh Nga	
508.	Phạm Văn Mân	
509.	Phan Tuấn Thanh	
510.	Phan Trung Nghĩa	
511.	Đặng Lê Minh Mẫn	
512.	Hồ Như Ân	
513.	Hồ Như Ý	
514.	Đinh Văn Quý	
515.	Trương Quang Định	
516.	Nguyễn Tấn Lực	
517.	Huỳnh Tiến Viễn	
518.	Phan Thanh Phong	
519.	Lê Thanh Vũ	
520.	Hồ Đức Chính	
521.	Nguyễn Ngọc Lộc	
522.	Nguyễn Xuân Nam	
523.	Phạm Ngọc Vinh	
524.	Phạm Thế Trung	
525.	Nguyễn Thị Kim Anh	
526.	Trần Xuân Hợp	
527.	Nguyễn Hoàng Hợp	
528.	Nguyễn Hoàng Hiệp	
529.	Nguyễn Kích	
530.	Trần Thị Hòa	
531.	Trương Văn Thành	
532.	Lê Văn Chính	
533.	Phạm Đăng Long	
534.	Huỳnh Thị Hương Giang	
535.	Huỳnh Triệu Vỹ	
536.	Phan Văn Bình	
537.	Đỗ Hoàng Phi	
538.	Nguyễn Thị Hường	
539.	Nguyễn Thái Nhựt	
540.	Huỳnh Mạnh Nhựt	
541.	Võ Cường	
542.	Nguyễn Thành Hưng	
543.	Trần Quang Vinh	
544.	Đặng Nhật Minh	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
545.	Đặng Tông	
546.	Lưu Thành Quang	
547.	Nguyễn Văn Nga	
548.	Phan Quang Phát	
549.	Lê Phải	
550.	Bùi Thị Kim Tuyền	
551.	Nguyễn Ninh	
552.	Đinh Tấn Thiện	
553.	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	
554.	Đỗ Ngọc Điệp	
555.	Nguyễn Phi Phương	
556.	Lê Trung Thức	
557.	Trần Thị Như Ý	
558.	Nguyễn Văn Đông	
559.	Huỳnh Thị Thiệu	
560.	Huỳnh Phi Hùng	
561.	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	
562.	Đinh Văn Quý	
563.	Nguyễn Quang Huy	
564.	Bùi Thị Thu Thủy	
565.	Lê Tú	
566.	Huỳnh Văn Công	
567.	Đào Phú Minh Vương	
568.	Lê Văn Quý	
569.	Nguyễn Thị Thu Sương	
570.	Phạm Thế Hòa	
571.	Trần Thanh Long	
572.	Nguyễn Thị Mỹ Hà	
573.	Nguyễn Tiến Đạt	
574.	Nguyễn Thị Diễm Trinh	
575.	Huỳnh Tấn Khải	
576.	Bùi Thanh Vân	
577.	Lương Tiến Dũng	
578.	Nguyễn Thị Bích Huyền	
579.	Lê Cao Kính	
580.	Lê Thị Tường Vy	
581.	Lê Thị Thủy	
582.	Trần Huỳnh Thanh Văn	
583.	Trần Ngọc Duy	
584.	Mai Văn Dương	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
585.	Nguyễn Duy Anh	
586.	Nguyễn Hoàng Thiên	
587.	Lê Tấn Võ	
588.	Nguyễn Thế Phúc	
589.	Phạm Thanh Long	
590.	Phạm Thanh Phong	
591.	Trương Quang Dũng	
592.	Trần Huỳnh Thanh Phương	
593.	Ứng Văn Thọ	
594.	Võ Sơn Lâm	
595.	Tạ Phi Sơn	
596.	Tạ Ngọc Diệp	
597.	Trương Thị Thanh Huyền	
598.	Nguyễn Thị Ngọc Vân	
599.	Nguyễn Thị Linh	
600.	Nguyễn Xuân Huệ	
601.	Nguyễn Thị Tường Vy	
602.	Lê Nguyễn Tuấn Khải	
603.	Nguyễn Đặng Minh Kỳ	
604.	Nguyễn Tiến	
605.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	
606.	Nguyễn Tiến Dương	
607.	Nguyễn Thị Tánh	
608.	Trần Thị Kiều	
609.	Trần Minh Hưng	
610.	Trần Ngọc Nguyên	
611.	Trần Khuất Thị Thảo	
612.	Trần Ngọc Việt	
613.	Đoàn Thị Bích Nguyệt	
614.	Lê Thanh Nghị	
615.	Lê Văn Vũ	
616.	Lê Duy Phúc	
617.	Lê Thị Thanh	
618.	Lê Văn Lương	
619.	Lê Văn Tâm	
620.	Võ Huých	
621.	Võ Thị Hao	
622.	Võ Văn Quang	
623.	Võ Tấn Lộc	
624.	Võ Lê	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
625.	Phùng Lên	
626.	Phạm Đình Phương	
627.	Đào Văn Quang	
628.	Đỗ Thị Thắm	
629.	Bùi Dương Kỳ	
630.	Huỳnh Thị Hoa	
631.	Bùi Thị Thảo	
632.	Ca Tuấn Ân	
633.	Huỳnh Thị Phúc	
634.	Lương Bá Nhượng	
635.	Lê Văn Vũ Duyên	
636.	Võ Duy Dương	
637.	Nguyễn Đình Duy	
638.	Tôn Thị Minh Lý	
639.	Chu Văn Toàn	
640.	Phan Thị Trâm	
641.	Đặng Văn Da	
642.	Bùi Minh Tú	
643.	Dương Thị Vinh	
644.	Huỳnh Minh Nhật	
645.	Phạm Lệ	
646.	Nguyễn Thành Duyên	
647.	Trần Thị Ngọc Duệ	
648.	Trà Xuân Thái	
649.	Đặng Văn Thảo	
650.	Nguyễn Hoàng Thiên	
651.	Hồ Ngọc Điều	
652.	Trần Thị Hoa	
653.	Bùi Thị Cẩm Nhi	
654.	Đặng Thị Diễm	
655.	Phạm Văn Lên	
656.	Trần Thị Thúy	
657.	Lê Thanh Quang	
658.	Huỳnh Văn Phước	
659.	Phạm Đình Tứ	
660.	Phạm Lục	
661.	Nguyễn Thị Diễm	
662.	Hồ Thị Gái	
663.	Lê Thị Thảo	
664.	Nguyễn Ngọc Lâm	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
665.	Lê Đoàn Phương	
666.	Võ Đình Tiến	
667.	Đặng Quốc Việt	
668.	Lê Văn Luận	
669.	Lê Thơm	
670.	Lê Văn Đi	
671.	Huỳnh Thái Nhựt	
672.	Trần Xuân Thành	
673.	Phạm Minh	
674.	Lê Thị Bích Ngọc	
675.	Nguyễn Thị Hương Trâm	
676.	Phạm Văn Chương	
677.	Phạm Việt Anh	
678.	Từ Trung Hiếu	
679.	Võ Đình Trí	
680.	Phan Trọng Khiêm	
681.	Trương Thị Hoa	